

1. Tên thuốc: BỔ THẬN ÂM TW3

2. Thành phần: Tính cho 1 viên

Hoài sơn (<i>Tuber Dioscorea persimilis</i>).....	160 mg
Khiếm thực (<i>Radix Nymphaeae stellatae</i>).....	180 mg
Cao đặc dược liệu.....	270 mg
Tương đương: Táo chua (<i>Ziziphus mauritiana</i>).....	230 mg
Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>).....	160 mg
Thạch斛(<i>Herba Dendrobii</i>).....	160 mg
Tỳ giải (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>).....	130 mg
Tá dược: Povidon K30, Ethanol 96%, Methylparaben, Propylparaben, Magnesi stearat.....	vđ 1 viên

3 Dạng bào chế: Viên nang cứng

4. Đặc tính dược lực học, dược động học

4.1 .Đặc tính dược lực học

Mã ATC: N/A

- Hoài sơn: Có tác dụng kiện tỳ, bổ phế, ích thận, cố tinh.
- Khiếm thực: Có tác dụng kiện tỳ, trừ thấp, bổ thận, sáp tinh.
- Táo chua: Có tác dụng lợi tiểu.
- Thạch斛: Có tác dụng thanh nhiệt, sinh tân, tư âm, dưỡng vị trừ phong thấp.
- Thục địa: Có tác dụng sinh tân dịch, chỉ khát, nuôi dưỡng và bổ thận âm.
- Tỳ giải: Dùng trong các trường hợp tiểu tiện vàng đỏ, tiểu buốt, tiểu dắt.

Tác dụng: Tư âm, bổ thận, nhuận phế sinh tân dịch.

4.2. Đặc tính dược động học: Chưa có nghiên cứu.

5. Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên

6. Chỉ định, liều dùng và cách dùng, chống chỉ định

6.1 Chỉ định: Dùng trong trường hợp tinh huyết suy kém, hay mỏi gối, đau lưng, ra mồ hôi, đổ mồ hôi trộm, hoa mắt, vầng đầu, ù tai, táo bón, khát nước, nước tiểu vàng, đi mộng tinh, bốc hỏa.

6.2. Liều lượng và cách dùng: Ngày uống 2 lần

- Người lớn: Mỗi lần 2-3 viên.
- Trẻ em: mỗi lần 1-2 viên.

Đợt điều trị 3 tháng.

6.3. Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với thành phần của thuốc.
- Người đang cảm sốt, người thể hàn, hư hàn không nên dùng.

7. Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc

7.1. Thận trọng chung: Không ăn các chất cay nóng, hạn chế phòng dục.

7.2.Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai

Dùng được cho phụ nữ có thai

Thời kỳ cho con bú

Dùng được cho phụ nữ cho con bú.

7.3. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác: Không ảnh hưởng

8. Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:

Chưa có tài liệu báo cáo

9. Tác dụng không mong muốn: Chưa có tài liệu báo cáo

10. Quá liều và xử trí: Chưa có dữ liệu

11. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo: Chưa có tài liệu báo cáo

12. Điều kiện bảo quản và hạn dùng của thuốc.

12.1. Điều kiện bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30⁰C.

12.2. Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

13. Tiêu chuẩn: TCCS/02-15 – 031 - Z3

14. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Trụ sở: 16 Lê Đại Hành – Minh Khai – Hồng Bàng - Hải Phòng

Nhà máy SX: Số 28 - Đường 351- Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Điện thoại: (031)3747507/Fax: (031)3823125

15. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

1. Tên thuốc: BỔ THẬN ÂM TW3

2. Các câu khuyến cáo

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo ngay cho Bác sĩ hoặc Dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

3. Thành phần, hàm lượng của thuốc: Tính cho 1 viên

Hoài sơn (<i>Tuber Dioscorea persimilis</i>).....	160 mg
Khiếm thực (<i>Radix Nymphaeae stellatae</i>).....	180 mg
Cao đặc dược liệu.....	270 mg
Tương đương: Táo chua (<i>Fructus Ziziphi mauritiana</i>).....	230 mg
Thực địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>).....	160 mg
Thạch斛(<i>Herba Dendrobii</i>).....	160 mg
Tỳ giải (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>).....	130 mg
Tá dược: Povidon K30, Ethanol 96%, Methylparaben, Propylparaben, Magnesi stearat.....	vđ 1 viên

4. Mô tả sản phẩm: Viên nang cứng số 0, màu xanh lá, bên trong chứa bột thuốc màu nâu sẫm, vị hơi chua, mùi thơm dược liệu

5. Quy cách đóng gói: Hộp 1 chai 30 viên.

Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.

6. Thuốc dùng cho bệnh gì?

Dùng trong trường hợp tình huyết suy kém, hay mỏi gối, đau lưng, ra mồ hôi, đổ mồ hôi trộm, hoa mắt, vầng đầu, ù tai, táo bón, khát nước, nước tiểu vàng, di mộng tinh, bốc hỏa.

7. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Ngày uống 2 lần

- Người lớn: Mỗi lần 2-3 viên.

- Trẻ em: mỗi lần 1-2 viên.

Đợt điều trị 3 tháng.

8. Khi nào không nên dùng thuốc này?

- Mẫn cảm với thành phần của thuốc.

- Người đang cảm sốt, người thể hàn, hư hàn không nên dùng.

9. Tác dụng không mong muốn: Chưa có tài liệu báo cáo

10. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

Không ăn các chất cay nóng, hạn chế phòng dục.

11. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Không nên dùng một liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.

Khi một lần quên không dùng thuốc thì nên dùng liều đó ngay khi bạn nhớ ra. Tuy nhiên, nếu gần với thời điểm uống liều kế tiếp thì bạn nên bỏ qua liều đã quên và tiếp tục dùng theo liệu trình bình thường.

12. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30⁰C.

13. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều: Chưa có dữ liệu

14. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo: Chưa có dữ liệu

15. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này

15.1 Thận trọng chung: Chưa có tài liệu báo cáo

15.2.Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai

Dùng được cho phụ nữ mang thai

Thời kỳ cho con bú

Dùng được cho phụ nữ cho con bú

15.3. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác: Không ảnh hưởng

16. Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ

Khi có dấu hiệu bất thường thì liên hệ với bác sĩ hoặc dược sĩ.

17. Hạn dùng của thuốc: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

18. Tiêu chuẩn: TCCS/02 -15 - 031- Z3

19. Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất :

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Trụ sở: 16 Lê Đại Hành – Minh Khai – Hồng Bàng - Hải Phòng

Nhà máy SX: Số 28 - Đường 351- Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Điện thoại: (031)3747507/Fax: (031)3823125

20. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Lỗ Minh Hùng